

Mục đích sau cùng của việc thực hiện thành công Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (ASEAN Free Trade Area - AFTA), đó là Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (Common Effective Preferential Tariff - CEPT), nhằm cắt giảm thuế quan, loại bỏ các rào cản thương mại, thống nhất danh mục biểu thuế và đơn giản hóa các thủ tục thuế quan... là những nội dung không thể tách rời trong mục tiêu xây dựng một khu vực mậu dịch tự do bao gồm 7 nước Đông Nam Á, trong đó có VN.

Lan đã quyết đẩy nhanh thời gian thực hiện AFTA xuống còn 10 năm, tức là phải hoàn tất vào năm 2003, nhanh hơn 5 năm so với dự tính trước đây, nhằm thích ứng với những chuyển động của kinh tế quốc tế trong thời hậu chiến tranh lạnh và nhất là trong lãnh vực tiếp nhận đầu tư, hình thành một thị trường sống động, lớn hơn ngay trong nội bộ của tổ chức ASEAN.

Công cụ chủ yếu để thực hiện thành công AFTA đó là Hiệp định CEPT áp dụng đối với mọi sản phẩm sản xuất tại các nước thành viên kể

quan từ 20% trở xuống, sẽ giảm xuống còn từ 0% đến 5% vào năm 2000.

- Những mặt hàng có mức thuế quan trên 20%, sẽ giảm xuống dưới 20% vào năm 1998 và còn từ 0% đến 5% vào năm 2003.

2. Chương trình giảm thuế nhanh (Fast Track Program)

- Các sản phẩm có thuế suất trên 20% sẽ được giảm xuống từ 0% đến 5% vào 1.1.2000.

- Các sản phẩm có thuế suất bằng hoặc dưới 20% sẽ được giảm xuống còn 0% đến 5% vào 1.1.1998.

Chương trình giảm thuế nhanh

NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG CỦA THUẾ QUAN VÀ NGUỒN THU NGÂN SÁCH TÀI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP AFTA VÀ CEPT

Luật gia NGÔ NGỌC BỬU & HÀ QUANG THANH

Giới hạn cuối cùng của (CEPT) là giảm thuế quan trong nội bộ các quốc gia thành viên ASEAN xuống còn từ 0% đến 5%, đồng thời loại bỏ các hạn chế về định lượng và các hàng rào phi quan thuế, như cấp giấy phép, hạn ngạch, trong thời hạn 10 năm bắt đầu từ 1.1.1993 đến năm 2003. Những sự thúc đẩy trong quá trình thực hiện Hiệp định CEPT sẽ có ảnh hưởng như thế nào đối với nguồn thu thuế và ngân sách nước ta? Chúng ta phải làm gì khi một phần nguồn thu từ thuế quan nhập khẩu bị giảm? Việc giảm nguồn thu từ thuế quan có ảnh hưởng như thế nào đối với ngân sách tài chính và tăng trưởng kinh tế của chúng ta?

I. TÁC ĐỘNG THÚC ĐẨY TỪ HIỆP ĐỊNH CEPT

Hội nghị 6 nước ASEAN lần thứ tư họp năm 1992 đã chính thức nêu ra việc thành lập AFTA trong thời gian 15 năm, từ 1.1.1993 đến năm 2008. Nhưng sau đó, hội nghị bộ trưởng kinh tế ASEAN họp tại Thái

lân đã quyết đẩy nhanh thời gian thực hiện AFTA xuống còn 10 năm, tức là phải hoàn tất vào năm 2003, nhanh hơn 5 năm so với dự tính trước đây, nhằm thích ứng với những chuyển động của kinh tế quốc tế trong thời hậu chiến tranh lạnh và nhất là trong lãnh vực tiếp nhận đầu tư, hình thành một thị trường sống động, lớn hơn ngay trong nội bộ của tổ chức ASEAN.

Công cụ chủ yếu để thực hiện thành công AFTA đó là Hiệp định CEPT áp dụng đối với mọi sản phẩm sản xuất tại các nước thành viên kể

quan từ 20% trở xuống, sẽ giảm xuống còn từ 0% đến 5% vào năm 2000.

- Những mặt hàng có mức thuế quan trên 20%, sẽ giảm xuống dưới 20% vào năm 1998 và còn từ 0% đến 5% vào năm 2003.

2. Chương trình giảm thuế nhanh (Fast Track Program)

- Các sản phẩm có thuế suất trên 20% sẽ được giảm xuống từ 0% đến 5% vào 1.1.2000.

- Các sản phẩm có thuế suất bằng hoặc dưới 20% sẽ được giảm xuống còn 0% đến 5% vào 1.1.1998.

Chương trình giảm thuế nhanh

được áp dụng đối với 15 loại mặt hàng: (1) điện tử, (2) dầu thực vật, (3) hóa chất, (4) phân bón hóa học, (5) sản phẩm cao su, (6) bột giấy và giấy, (7) sản phẩm gỗ và mây tre, (8) đá quý và kim hoàn, (9) xi măng, (10) dược phẩm, (11) nhựa, (12) sản phẩm da, (13) dệt, (14) catốt đồng, và (15) sản phẩm gốm và thủy tinh.

Theo tính toán trước đây, khi VN chưa gia nhập AFTA, danh mục sản phẩm trong phạm vi CEPT bao gồm 92% tổng sản phẩm của ASEAN xét về phương diện tính thuế, trong đó theo chương trình giảm thuế quan bình thường chiếm 55%, chương trình giảm thuế nhanh chiếm 32% và hàng nông sản chưa chế biến chiếm 5%.

Theo Hiệp định năm 1992, hàng nông sản chưa chế biến được loại khỏi danh mục CEPT, nhưng đã được bổ sung vào Hiệp định năm 1994. Phần còn lại 8% bao gồm 1% là loại sản phẩm vĩnh viễn không giảm thuế và 7% là những sản phẩm thuộc danh mục ngoại lệ tạm thời (Temporary

cả sản phẩm cơ bản và sản phẩm xuất phát từ nông sản. Yêu cầu nhấn mạnh là phải có ít nhất 40% hàm lượng sản phẩm xuất xứ từ các nước ASEAN. Những sản phẩm được đưa vào thực hiện chương trình cắt giảm thuế gồm 4 danh mục:

- Danh mục các sản phẩm cắt giảm thuế quan bình thường và cắt giảm nhanh.

- Danh mục các sản phẩm tạm thời chưa giảm thuế.

- Danh mục loại trừ hoàn toàn.

- Danh mục hàng nông sản chưa chế biến.

Tác động tích cực nhất đối với nước ta, là thành viên mới gia nhập, đó là chương trình giảm thuế quan bình thường và chương trình giảm thuế nhanh:

1. Chương trình giảm thuế quan bình thường (Normal track program)

Từ chương trình này, các nước thành viên phải tuân theo lịch trình giảm thuế quan như sau:

- Những mặt hàng có mức thuế

Exclusion List - TEL), là những mặt hàng có tính "nhạy cảm", có thể dẫn đến những khó khăn kinh tế, nên sẽ được đưa dần vào CEPT theo từng giai đoạn. Dự kiến sau khi loại sản phẩm này sẽ được giải quyết vào năm 2000, thì AFTA sẽ được áp dụng đối với 99% sản phẩm của các nước thành viên ASEAN.

II. XÚC TIẾN HỢP TÁC CÁC VẤN ĐỀ TRONG LÃNH VỰC THUẾ QUAN

Ngoài những thúc đẩy giảm tỷ suất quan thuế từng giai đoạn, bỏ hàng rào quan thuế, các nước ASEAN còn xúc tiến hợp tác về các vấn đề thủ tục thuế quan, biểu tính thuế và thống nhất hệ thống tính thuế quan.

1. Thống nhất thủ tục quan thuế

Do có sự khác biệt danh mục hàng hóa được ấn định theo Chương trình CEPT và các hàng hóa khác, như tiêu chuẩn về hàm lượng xuất xứ, mức thuế suất...cho nên cần thiết phải đơn giản và thống nhất thủ tục quan thuế giữa các nước thành viên, như việc áp dụng mẫu tờ khai quan thuế chung cho hàng hóa thuộc diện CEPT, thực hiện các thủ tục về xuất nhập khẩu thống nhất trong ASEAN.

2. Thống nhất biểu thuế quan

Hiện nay, các nước thành viên đang áp dụng biểu thuế quan theo hệ thống điều hòa của Hội đồng hợp tác thuế quan, có mức độ khác nhau từ 6 đến 10 chữ số. Năm 1994, hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN lần thứ 26 đã quyết định thống nhất biểu thuế quan trong khối ASEAN ở mức 8 chữ số và dự định sẽ hoàn thành vào cuối năm 1996 để áp dụng từ năm 1997.

3. Thống nhất hệ thống tính giá thuế quan

Các nước thành viên của ASEAN trước đây, đã cam kết trong vòng đàm phán Uruguay của GATT, là vào năm 2000 sẽ thực hiện phương pháp xác định trị giá thuế quan theo GATT - GTV (GATT Transactions Value) được nêu trong Hiệp định thực hiện điều khoản VII của Hiệp định chung về thương mại và thuế quan năm 1994 để tính giá quan thuế. Hội nghị Hội đồng AFTA lần thứ 7 đã quyết định rút ngắn thời gian thực hiện hệ thống tính giá thuế quan theo GATT vào năm 1997.

III. THAM GIA THỰC HIỆN AFTA CỦA VN

Tại Hội nghị Hội đồng AFTA vào tháng 12.1995, đại diện VN đã đưa ra danh sách 857 mặt hàng được cắt giảm thuế, để thực hiện chương trình cắt giảm thuế quan. Tuy nhiên, do những hạn chế về thời gian, nên việc nghiên cứu để đưa ra các danh mục hàng hóa này, về thực chất chỉ đảm bảo cho việc thực hiện các cam kết theo Hiệp định CEPT theo hướng hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực và

phát huy các ảnh hưởng tích cực trong điều kiện của VN dựa trên sự dự đoán những tác động ảnh hưởng đến số thu ngân sách và mức độ bảo hộ nền sản xuất trong nước. Chúng ta cũng chưa kịp nghiên cứu và dự đoán đầy đủ các ảnh hưởng có thể có của AFTA để phân tích rằng chúng ta sẽ được những gì và mất những gì trong các nguồn thu cho ngân sách, cho phát triển kinh tế, nếu chúng ta tham gia vào AFTA. Nhiệm vụ của chính phủ là phải phân tích, nghiên cứu, dự đoán và tìm biện pháp khắc phục những cái MẤT có thể gây ảnh hưởng cho ngân sách và tăng trưởng kinh tế, song song với những cái ĐƯỢC nhằm phát huy cao hơn, một cách cụ thể, có tính khoa học và nhất là học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia đã đi trước chúng ta, có cùng điều kiện thực tế như chúng ta.

1. Chương trình cắt giảm thuế quan của VN

Theo tư liệu của Bộ tài chính và Chính phủ, chương trình cắt giảm thuế quan của nước ta đang có kế hoạch trình tự thực hiện như sau:

- Danh mục loại trừ hoàn toàn: được xây dựng phù hợp với điều 9 của Hiệp định CEPT, bao gồm những nhóm mặt hàng có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, đời sống và sức khỏe con người, giá trị lịch sử, khảo cổ, nghệ thuật và động thực vật, như: đồ cổ, thuốc phiện, thuốc nổ, vũ khí...và các loại động vật quý hiếm còn sống v.v...và một số những mặt hàng ta đang nhập khẩu có số lượng nhiều từ ASEAN mà không có khả năng xuất khẩu và đang có mức thuế cao trong biểu thuế nhập khẩu. Nếu đưa các mặt hàng này vào danh mục loại trừ hoàn toàn thì sẽ dẫn đến giảm số thu ngân sách do giảm thuế nhập khẩu.

- Danh mục loại trừ tạm thời: được xây dựng căn cứ vào quy định của CEPT. Danh mục này chủ yếu bao gồm các mặt hàng có thuế suất trên 20% và một số mặt hàng tuy có thuế suất thấp hơn 20% nhưng trước mắt cần phải bảo hộ bằng thuế nhập khẩu; hoặc các mặt hàng đang được áp dụng các biện pháp phi quan thuế, như hàng phải có giấy phép của Bộ quản lý chuyên ngành, hàng phải qua kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm tra vệ sinh dịch tễ, kiểm tra an toàn lao động; hay là các mặt hàng đang dự kiến nâng thuế suất; song song với biện pháp hạn chế về số lượng.

- Danh mục các mặt hàng nông sản chưa chế biến nhạy cảm (sensitive list): được xây dựng trên cơ sở tham khảo danh mục này của các nước ASEAN và căn cứ vào yêu cầu cần phải bảo hộ cao của sản xuất trong nước đối với một số mặt hàng chưa chế biến. Các mặt hàng trong

danh mục này gồm có: các loại thịt, trứng gia cầm, các loại trái cây, lúa...

- Danh mục cắt giảm thuế quan: Danh mục các mặt hàng tham gia cắt giảm ngay thuế quan của VN chủ yếu là những mặt hàng hiện đang có thuế suất thấp hơn 20% và một số mặt hàng có thuế suất cao hơn 20% nhưng VN đang có thế mạnh về xuất khẩu. Tổng số nhóm mặt hàng trong danh mục cắt giảm thuế quan là 1.633 nhóm, chiếm 50,51% của tổng các nhóm mặt hàng trong biểu thuế nhập khẩu VN. Mặc dù danh mục này của VN chiếm tỷ lệ thấp so với các nước thành viên ASEAN khác khi họ bắt đầu thực hiện chương trình CEPT, trung bình là 85%. Nhưng đây là biện pháp an toàn nhất để chúng ta có thời gian nghiên cứu thêm và rút ra các bài học kinh nghiệm trong năm đầu thực hiện chương trình CEPT, để từ đó, có chính sách cho những năm tiếp theo.

2. Tiến trình cắt giảm thuế quan

Như chúng ta đã biết, chương trình cắt giảm thuế quan được CEPT quy định theo tiến trình là cắt giảm bình thường và cắt giảm nhanh, áp dụng cho 15 nhóm mặt hàng cụ thể được quy định. Để phù hợp với quy định cũ và mới của ASEAN về cắt giảm nhanh, đồng thời căn cứ vào tình hình đặc thù của VN, chúng ta sẽ không áp dụng tiến trình cắt giảm nhanh một cách máy móc, thiếu tính toán, gây thiệt hại nguồn thu ngân sách. Chúng ta chỉ xếp vào loại các mặt hàng cắt giảm thuế nhanh những mặt hàng hiện có thuế suất từ 0% đến 5%, để thỏa mãn mục tiêu của chương trình CEPT. Riêng các sản phẩm có thuế suất cao hơn 5% trong danh mục cắt giảm thuế quan, chỉ thực hiện bước cắt giảm đầu tiên từ năm 1998, để đảm bảo cho nguồn thu ngân sách không bị gián đoạn đồng thời hỗ trợ cho nền công nghiệp trong nước. Trong 2 năm 1996 - 1997, chúng ta chỉ đưa các mặt hàng có thuế suất từ 5% trở xuống đã đạt mục tiêu của CEPT vào danh mục thực hiện Hiệp định, mà không cắt giảm thuế quan đối với những mặt hàng có thuế suất cao hơn 5%.

3. Việc loại bỏ các biện pháp phi quan thuế

Trước đây, các nước ASEAN đã áp dụng các biện pháp phi quan thuế rất đa dạng, trong đó có các biện pháp về tiêu chuẩn kỹ thuật đặc biệt, rất phức tạp và tinh vi. Tại nước ta, các biện pháp phi quan thuế còn đơn giản, chủ yếu là các biện pháp cấp giấy phép và hạn ngạch. Cho nên, khi thực hiện loại bỏ các biện pháp phi thuế quan theo Hiệp định CEPT, thì VN có lợi nhất, đáp ứng được yêu cầu xuất khẩu và bảo hộ sản phẩm sản

xuất trong nước. Nên, ta cần có phương án nghiên cứu ban hành bổ sung các biện pháp phi quan thuế tương tự như các nước ASEAN đang áp dụng trước khi loại bỏ.

IV. NHỮNG TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀO NGÂN SÁCH - KINH TẾ VN

Chúng ta có thể kể ra 3 loại chủ thể chịu tác động trực tiếp hay gián tiếp do quá trình hội nhập AFTA là:

1. Đối với chủ thể nhà nước, trước mắt là nguồn thu ngân sách từ thuế quan đánh vào hàng nhập khẩu sẽ bị giảm sút do cắt giảm tỷ suất thuế, nếu như AFTA không tạo ra được những tác động tích cực, kích thích gia tăng lượng buôn bán giữa các thành viên với nhau, để cho lượng thuế thu được từ việc tăng doanh thu không bù đắp được với sự cắt giảm tỷ suất quan thuế khi thực hiện CEPT.

Do đó, nhà nước cần phải có biện pháp khắc phục do khoản thất thu này, bằng cách ban hành, chuyển động sang một tài nguyên thu thuế gián thu khác dưới hình thức một sắc thuế chỉ áp dụng đối với người tiêu thụ trong nước, để không bị chi phối bởi Hiệp định CEPT, như Thuế tiêu thụ đặc biệt chẳng hạn.

2. Đối với chủ thể doanh nghiệp: doanh nghiệp sản xuất và buôn bán chịu 2 tác động ngược chiều là: có lợi, do gia tăng khả năng cạnh tranh về giá cả khi thuế suất quan thuế giảm, hy vọng bán được nhiều sản phẩm hơn; và không có lợi, là phải đương đầu với sự cạnh tranh tầm quốc tế do việc xóa bỏ các hàng rào quan thuế bảo hộ và các thể thức phi quan thuế. Việc cắt giảm thuế quan đánh trên hàng nhập khẩu không ảnh hưởng đến tài chính doanh nghiệp, bởi vì thuế quan nhập khẩu là thuế gián thu (Impôt indirect), là một thành phần của giá thành sản phẩm, sẽ do người tiêu dùng gián tiếp chịu thuế.

3. Đối với người tiêu dùng: Họ được lợi do giá cả hàng nhập khẩu rẻ hơn, chất lượng và chủng loại hàng hóa phong phú hơn để tự chọn mặt hàng ưa thích, tránh được việc phải mua hàng giá cao do độc quyền, không cạnh tranh lành mạnh.

Nhìn chung, phần thiệt hại về phía nhà nước do cắt giảm thuế quan có thể được bù trừ bởi phần lợi trực tiếp qua người tiêu dùng do giảm thuế trong giá mua sản phẩm. Có thể xem đây là một sự chuyển hóa trong phân phối thu nhập để người dân có thể gia tăng tích lũy, tiết kiệm và đầu tư. Xét theo thành phần kinh tế, thì đầu tư của tư nhân cho sản xuất, về lý luận, có thể tăng lên trong tương lai qua khoản tiết kiệm tích lũy được do giá mua hàng rẻ, do sự chuyển hóa phần thuế quan cắt giảm từ thu nhập nhà nước sang thu nhập tư nhân.

Do đó, chính phủ phải có những

đề xuất cải cách hệ thống thuế nói chung và sửa đổi hệ thống quan thuế nói riêng, để phù hợp với tình hình mới, để có thể bù đắp vào khoản giảm thu ngân sách do việc cắt tỷ suất thuế quan để thi hành Hiệp định CEPT.

V. ƯỚC TÍNH - BIỆN PHÁP TÀI CHÍNH VÀ CẢI CÁCH HỆ THỐNG THUẾ

1. Phân tích và ước tính

Chuyên viên Bộ tài chính và Tổng cục thuế VN đã thử phân tích và ước tính mức tăng, giảm về số thu thuế quan nhập khẩu từ năm 1996 đến 2006, căn cứ vào các thông tin, số liệu hiện có, và dựa trên:

- Kim ngạch nhập khẩu lấy theo số liệu của năm 1995 làm chuẩn mực;
- Danh mục hàng hóa đưa vào thực hiện giảm thuế không thuộc danh mục loại trừ hoàn toàn;

- Lấy mức thuế xuất hiện hành và mức thuế trung bình của cả nhóm mặt hàng được giảm dẫn đến mức cuối cùng là 5%. Trong đó có nhóm mặt hàng đang có thuế suất là 0% đến 1% được nâng lên thành 5%;

- Năm 1996 - 1997 không giảm thuế nhập khẩu, vì thực tế ta chỉ đưa các mặt hàng có thuế suất từ 0% đến 5% vào thực hiện chương trình CEPT.

Từ những căn cứ trên, thử đưa ra 2 cách ước tính như sau:

- Ước tính 1: Nếu kim ngạch nhập khẩu từ các nước ASEAN không thay đổi, giữ nguyên mức của năm 1995, sau khi hoàn thành chương trình cắt giảm thuế quan vào năm 2006, mức giảm số thu của thuế nhập khẩu ước tính là trên 84.500.000USD, tương đương với 930 tỷ đồng VN và bằng 9,35% tổng thu về thuế nhập khẩu hiện nay, hay bằng 2,33% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Ước tính 2: Nếu kim ngạch xuất khẩu trong những năm đầu khi thực hiện cắt giảm sẽ không tăng lên và mức tăng kim ngạch cho các năm sau đó là 20%/năm, thì số thu từ thuế nhập khẩu đối với các nước ASEAN sau khi VN hoàn thành chương trình cắt giảm thuế quan, sẽ không giảm đi, mà ngược lại sẽ tăng lên so với năm 1995 là 70.000.000USD.

Trên đây chỉ là số liệu ước tính có tính cách dự đoán (tăng 20% kim ngạch) để tham khảo trên cơ sở chỉ để cập đến sự thay đổi về thuế nhập khẩu. Trong khi đó, tác động đến nguồn thu ngân sách còn nhiều yếu tố khác ảnh hưởng từ các loại thuế khác nhau như: việc cải cách thuế doanh thu bằng thuế TVA, cải cách thuế nhập khẩu, nhất là khi tách thuế thu đặc biệt ra khỏi thuế nhập khẩu hiện hành, sẽ đưa đến kết quả là số thuế nhập khẩu bị giảm ít hơn mức dự kiến nêu trên. Mức giảm thấp hơn này cũng sẽ được bù đắp bởi việc áp

dụng thuế trị giá gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Đồng thời, chi phí giá thành sản phẩm sản xuất trong nước giảm, do việc giảm thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu là đầu vào của sản xuất, dẫn đến khả năng gia tăng cạnh tranh và khả năng sản xuất trên thị trường. Điều này cũng dẫn đến việc tăng thu các sắc thuế nội địa như thuế doanh thu và thuế lợi tức doanh nghiệp.

2. Cải cách hệ thống thuế hiện hành

Trong 2 năm 1996 - 1997, Chính phủ và Bộ tài chính đang có các dự thảo sửa đổi và cải cách bước 2, hệ thống thuế của nước ta cho phù hợp với tình hình mới, nhất là trong quá trình thực hiện CEPT. Cụ thể là:

- Một là, nghiên cứu áp dụng Luật thuế TVA thay cho Luật thuế doanh thu để gia tăng hiệu suất của thuế gián thu là nguồn thu chủ lực của ngân sách.

- Hai là, hoàn thiện Luật thuế xuất nhập khẩu cho phù hợp với tình hình mới, phù hợp với những thông lệ quốc tế về thuế quan, tạo điều kiện VN hội nhập vào AFTA và thi hành Hiệp định CEPT trong việc cắt giảm thuế suất, tìm biện pháp để tránh thất thu ngân sách do việc cắt giảm này.

- Ba là, sửa đổi Thuế tiêu thụ đặc biệt, bổ sung thêm 2 nhóm mặt hàng là xăng dầu và xe ô tô, lên 6 nhóm mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trước đây chỉ có 4 nhóm). Những mặt hàng bị cắt trong danh mục giảm thuế theo CEPT sẽ được thu lại qua cửa thuế tiêu thụ đặc biệt, là một sắc thuế nội địa, để không bị thất thu ngân sách do cắt giảm thuế quan.

- Bốn là, riêng ngành hải quan, Tổng cục đề nghị xây dựng hệ thống tiêu chuẩn hóa và tiến đến quy trình tự động hóa nghiệp vụ hải quan, trang bị máy móc hiện đại, thiết lập thông số kỹ thuật ngành để sớm hòa nhập vào mạng lưới tin học thuế quan với các nước ASEAN. Đồng thời cải tiến thủ tục hành chính về quan thuế cho phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, quan hệ với Interpol trong lãnh vực điều tra chống buôn lậu hàng quốc cấm và hội nhập với tổ chức thuế quan và thương mại quốc tế (GATT) v.v...■

Tư liệu tham khảo

- Phạm Văn Đình, TCT Tổng cục Hải quan, "Đổi mới và tăng cường công tác QLNN về hải quan", Tạp chí *Quản lý nhà nước*, Hà Nội, số 2.1996.

- Trương Chí Trung, Tổng cục phó Tổng cục thuế, "Một số vấn đề liên quan đến việc nâng cao hiệu quả tham gia AFTA của VN", bài thuyết trình, Hà Nội 1996.

- Bùi Tất Thắng, "Kinh tế VN trong quá trình hội nhập khu vực mậu dịch tự do AFTA", Tập san *Nghiên cứu kinh tế*, Hà Nội, số tháng 3.1996.